

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC TP. HỒ CHÍ MINH



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

TP. Hồ Chí Minh, tháng 9/2021

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số ngày/...../.....
của Hiệu trưởng trường đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh)

Tên chương trình : KẾ TOÁN
Trình độ đào tạo : ĐẠI HỌC
Ngành đào tạo : KẾ TOÁN
Mã ngành : 7340301
Loại hình đào tạo : CHÍNH QUY

1. Mô tả chương trình đào tạo

1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Kế toán (KT) thuộc khoa Kinh tế – Tài chính, Trường Đại học Ngoại ngữ– Tin học Thành phố Hồ Chí Minh được ban hành từ năm 2013, với mục tiêu đào tạo ra các cử nhân ngành kế toán có đầy đủ kiến thức, kỹ năng để làm việc tại các doanh nghiệp, cơ quan hành chính sự nghiệp và các cơ sở kinh doanh.

CTĐT ngành kế toán được quản lý bởi Bộ môn Kế toán với đội ngũ giảng viên có chuyên môn tốt, phần lớn được đào tạo từ nhiều trường đại học danh tiếng từ các nước khác nhau như: Anh, Úc, Hoa Kỳ...; cơ sở vật chất không ngừng được nâng cấp để phục vụ ngày càng tốt hơn cho việc giảng dạy và nghiên cứu.

Chương trình đào tạo được hiệu chỉnh, cập nhật hàng năm và phát triển theo tiêu chuẩn quốc tế với mức độ thích ứng cao với nhu cầu của xã hội. Hệ thống đào tạo tín chỉ bao gồm đa dạng các kiến thức tương thích với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước, tăng cường sự linh động cho người học. Các phương pháp giảng dạy tích cực được áp dụng để thúc đẩy người học không ngừng phát triển năng lực cá nhân.

CTĐT áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2021 gồm 140 tín chỉ, có điều chỉnh một số môn học cho phù hợp với thực tế khách quan do tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và dự báo sự thay đổi các hoạt động kinh tế - xã hội trong thời kỳ “hậu Covid”. Thời gian đào tạo được rút ngắn so với chương trình đào tạo 2019, cho phép sinh viên có thể linh động trong kế hoạch học tập để đạt được bằng cử nhân trong thời gian 3,5 năm - 6 năm.

1.2. Thông tin chung

Thông tin chung về chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng được thể hiện trong Bảng 1.2.

Bảng 1.2. Thông tin chung về CTĐT ngành Kế toán

STT	Mục thông tin	Giải thích
1	Tên gọi của ngành	Kế toán
2	Bậc	Đại học
3	Loại bằng	Cử nhân
4	Loại hình đào tạo	Toàn thời gian
5	Thời gian	3,5 năm
6	Số tín chỉ	140
7	Khoa quản lý	Kinh tế - Tài chính
8	Ngôn ngữ	Tiếng Việt & Tiếng Anh
9	Website	www.huflit.edu.vn

10	Facebook	Khoa Kinh tế-Tài chính trường HUFLIT
11	Ban hành	Tháng 8 năm 2021

1.3. Sứ mạng – Tầm nhìn của trường

Sứ mạng

HUFLIT đào tạo những người ham học hỏi trở thành các công dân đáp ứng được những đòi hỏi không ngừng của thị trường lao động, có trách nhiệm với xã hội, có ý thức phát triển bản thân, có tri thức, kỹ năng nghề nghiệp cần thiết, đặc biệt là ngoại ngữ và tin học, thông qua các trải nghiệm thực tế.

Tầm nhìn

HUFLIT hướng đến phụng sự xã hội bằng những con người năng động, sáng tạo, có tâm và tầm; biết yêu thương, trân trọng cuộc sống; có khả năng làm mới chính mình; đạt được hạnh phúc và tự do bằng trí tuệ và đạo đức.

1.4 Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa

Sứ mạng

Bồi dưỡng tri thức, đào tạo kỹ năng nghề nghiệp, xây dựng ý thức học tập và nghiên cứu suốt đời cho sinh viên trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; trở thành một trong những khoa phát triển bền vững, góp phần nâng cao vị thế học hiệu của Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học thành phố Hồ Chí Minh.

Tầm nhìn

Đến năm 2030, Khoa Kinh tế- Tài chính sẽ trở thành nơi đào tạo nhân lực trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, có chất lượng thuộc nhóm 20 trường đại học hàng đầu của Việt Nam, với kỹ năng thực hành nghề nghiệp chuyên sâu, sử dụng tiếng Anh thành thạo và ứng dụng công nghệ thông tin tối ưu trong công việc.

1.5. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)

1.5.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có kiến thức tổng hợp về kinh tế - xã hội, kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán và thuế, phẩm chất đạo đức tốt, năng động và thích ứng với yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong lĩnh vực kế toán – tài chính.

1.5.2. Mục tiêu cụ thể:

Cử nhân ngành Kế toán có các phẩm chất và năng lực sau đây:

Về kiến thức:

- Có kiến thức tổng hợp về kinh tế, xã hội, quản lý (**PO1**)
- Có kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán và thuế (**PO2**)

Về kỹ năng:

- Có đầy đủ các kỹ năng cần thiết nhằm vận dụng tối ưu kiến thức được học trong quá trình thực hiện các hoạt động tác nghiệp, quản lý hoạt động chuyên môn như: kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp và nghiệp vụ chuyên môn, kỹ năng làm việc nhóm (PO3)

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân:

- Có khả năng tư duy tốt, tinh thần làm việc độc lập, sáng tạo; Có ý thức tự phát triển bản thân để thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc và thực thi trách nhiệm đối với xã hội. (PO4)

1.6. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

1.6.1. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành CTĐT ngành Kế toán, người học sẽ đạt các chuẩn đầu ra (CĐR) thể hiện trong Bảng 1.6.1

Bảng 1.6.1. Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Kế toán

PLOs	Chuẩn đầu ra
PLO1	Vận dụng được kiến thức nền tảng về kinh tế, quản lý và pháp luật
PLO2	Áp dụng được những kiến thức về kế toán, kiểm toán và thuế
PLO3	Đánh giá được các vấn đề về tài chính doanh nghiệp
PLO4	Tổ chức thực hiện được công tác kế toán trong các đơn vị
PLO5	Tổ chức, điều hành và làm việc nhóm có hiệu quả
PLO6	Thuyết trình và giao tiếp có hiệu quả trong chuyên môn kế toán, tài chính
PLO7	Sử dụng ngoại ngữ thành thạo trong giao tiếp và chuyên môn kế toán, tài chính
PLO8	Ứng dụng công nghệ thông tin thành thạo trong lĩnh vực kế toán, tài chính
PLO9	Thực thi trách nhiệm với công việc và với xã hội, phát huy tinh thần học tập suốt đời
PLO10	Hình thành ý thức tuân thủ pháp luật, hình thành được tác phong làm việc chuyên nghiệp

1.6.2. Mối liên hệ giữa mục tiêu và CĐR của CTĐT

Bảng 1.6.2. mô tả mối liên hệ giữa các mục tiêu và PLOs của chương trình giảng dạy. Sinh viên có thể đạt được các mục tiêu của chương trình nếu họ đáp ứng các CĐR của chương trình đào tạo.

Bảng 1.6.2. Mối liên hệ giữa các mục tiêu và PLOs

Mục tiêu CTĐT		PO1	PO2	PO3	PO4
PLO1	Vận dụng được kiến thức nền tảng về kinh tế, quản lý và pháp luật	X		X	X
PLO2	Áp dụng được những kiến thức về kế toán, kiểm toán và thuế		X	X	X
PLO3	Đánh giá được các vấn đề về tài chính doanh nghiệp	X	X	X	x
PLO4	Tổ chức thực hiện được công tác kế toán trong các đơn vị		X	X	x
PLO5	Tổ chức, điều hành và làm việc nhóm có hiệu quả	X	X	x	X
PLO6	Thuyết trình và giao tiếp có hiệu quả trong chuyên môn kế toán, tài chính	X		X	X
PLO7	Sử dụng ngoại ngữ thành thạo trong giao tiếp và chuyên môn kế toán, tài chính	x	X	X	X
PLO8	Ứng dụng công nghệ thông tin thành thạo trong lĩnh vực kế toán, tài chính	x	x	X	X
PLO9	Thực thi trách nhiệm với công việc và với xã hội, phát huy tinh thần học tập suốt đời	X	X	X	X
PLO10	Hình thành ý thức tuân thủ pháp luật, hình thành được tác phong làm việc chuyên nghiệp			X	X

1.7. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp từ CTĐT Kế toán có thể làm việc trong nhiều tổ chức và các lĩnh vực khác nhau. Nghề nghiệp của sinh viên tốt nghiệp không chỉ bó hẹp trong lĩnh vực kế toán, mà còn bao gồm cả lĩnh vực tài chính, thuế và kiểm toán. Cử nhân kế toán có thể làm việc tại:

- Các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính, sự nghiệp (đảm nhận các công việc liên quan đến kế toán tài chính, kế toán quản trị, kế toán thuế, kiểm tra thuế, quản trị tài chính, dự toán và phân tích tài chính);
- Các công ty kiểm toán, các công ty tư vấn kế toán, thuế;
- Các ngân hàng thương mại, các công ty tài chính với các vị trí công việc:
 - + Kế toán viên, kiểm toán viên.
 - + Tư vấn thuế
 - + Kế toán trưởng, trưởng nhóm kiểm toán, giám đốc tài chính.
 - + Phân tích kinh doanh, phân tích tài chính, lập và phân tích ngân sách.
 - + Kiểm soát tài chính, tư vấn tài chính, quản trị ngân quỹ.

- Cơ quan quản lý nhà nước về tài chính, kế toán, kiểm toán (Sở tài chính, Kho bạc nhà nước, Chi cục thuế...) với các vị trí việc làm như: Nhân viên cục/chi cục thuế; Nhân viên hải quan; Nhân viên kho bạc nhà nước; Nhân viên quản lý công nợ; Nhân viên kiểm toán nhà nước...
- Các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, các viện nghiên cứu với các vị trí việc làm như: Nghiên cứu viên; Giảng viên tập sự...

Sinh viên tốt nghiệp cũng có thể học tiếp các chương trình đào tạo sau đại học ở các chuyên ngành: tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, quản trị kinh doanh; Hoặc tự tạo việc làm cho bản thân như: tư vấn đầu tư tài chính, đầu tư bất động sản; tư vấn thuế; thẩm định giá...(sau khi bổ sung các chứng chỉ hành nghề theo quy định pháp luật)

1.8. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

1.8.1. Tiêu chí tuyển sinh

Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương, đáp ứng yêu cầu tuyển sinh của Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh.

1.8.2. Quá trình đào tạo

CTĐT được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ. Quá trình đào tạo tuân theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đào tạo được thiết kế là 3,5 năm, nhưng người học có thể rút ngắn còn 3 năm hoặc kéo dài thời gian học tối đa đến 6 năm. Mỗi năm học có hai (hoặc 3) học kỳ chính (bắt đầu từ tháng 9) và một học kỳ hè (từ đầu tháng 6 đến giữa tháng 8).

Theo lộ trình được thiết kế, các học phần thuộc khối kiến thức đại cương khối kiến thức ngành sẽ được phân bổ từ năm học đầu tiên đến học kỳ 1 của năm thứ 2 (học kỳ 3); Các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành được phân bổ từ năm học thứ 2 đến giữa năm học thứ 3; Các học phần tiếng Anh cơ bản được học ở hai học kỳ đầu tiên, các học phần tiếng Anh chuyên ngành được giảng ở năm thứ 2 và thứ 3. Trong toàn khóa học có 12 học phần tự chọn (18 tín chỉ).

1.8.3. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp ngành Kế Toán nếu hội đủ các điều kiện:

- Được công nhận là sinh viên hệ chính quy của Trường theo đúng ngành Kế toán;
- Hoàn tất các học phần theo đúng CTĐT và tích lũy đủ số tín chỉ, không có học phần nào đạt điểm dưới 4 và có *Điểm trung bình chung tích lũy* của toàn khóa học đạt từ 2 trở lên (theo Quyết định số 08/2021/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo);
- Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ: Chứng chỉ TOEIC đạt trình độ 500 (Hoặc trình độ ngoại ngữ tương đương B1 khung 6 bậc châu Âu).

- Tin học phải có chứng chỉ MOS là Word, Excel; Hoặc chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin Nâng cao do Trung tâm Ngoại ngữ-Tin học HUFLIT cấp .
- Đạt chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất.
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập.

1.9. Chiến lược giảng dạy – học tập

Chương trình này được triển khai giảng dạy theo phương pháp lấy người học làm trung tâm, với việc sử dụng đa dạng chiến lược dạy và học như Chiến lược kỹ năng tư duy (Thinking Skills Strategies), Chiến lược dựa trên hoạt động (Activity-Based Strategies), Chiến lược hợp tác (Cooperative Strategies) và Chiến lược học tập độc lập – tự học (Independent Learning Strategies).

Việc sử dụng đa dạng phương pháp dạy và học sẽ hỗ trợ tích cực người học đạt được các PLOs. Động não (Brainstorming) là phương pháp luôn được lưu ý trong quá trình giảng dạy để thúc đẩy sinh viên phát triển ý tưởng sáng tạo. Do đó, ngay trong quá trình thuyết giảng, giảng viên cũng sẽ thường xuyên nêu vấn đề, đặt câu hỏi để sinh viên suy nghĩ, tìm câu trả lời, đưa ra giải pháp...

Nghiên cứu tình huống (Case Study) cũng là phương pháp được sử dụng trong nhiều môn học, với các tình huống đa dạng do giảng viên hoặc sinh viên thu thập và cùng chia sẻ trong lớp. Những tình huống được cập nhật thường xuyên, mang tính thời sự để sinh viên nắm bắt thực tế, biết cách thích nghi và ứng phó với sự thay đổi của môi trường làm việc.

Các môn chuyên ngành được giảng song ngữ Anh-Việt để giúp sinh viên có thêm lợi thế về cơ hội nghề nghiệp, và thuận lợi hơn trong việc thực hiện được mục tiêu học tập suốt đời. Do đó, sinh viên được học tiếng Anh cơ bản và tiếng Anh chuyên ngành với thời lượng thích đáng để đảm bảo cho việc học tốt các môn chuyên ngành. Những sinh viên đạt một trong các chứng chỉ tiếng Anh với số điểm sau đây được miễn học các học phần tiếng Anh cơ bản:

+ TOEIC:	500
+ TOEFL iBT:	61
+ IELTS:	5.0

Chương trình đào tạo cũng sẽ áp dụng hình thức Tham luận (Guest Speaker), với khách mời là các doanh nhân, nhà quản trị, cựu sinh viên thành đạt. Thông qua hình thức này, sinh viên có thể thu được những bài học kinh nghiệm thực tế từ những người đi trước; đồng thời thông qua các buổi cố vấn (Mentoring), sinh viên sẽ được thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, học hỏi về ý tưởng lập nghiệp, tự tạo việc làm cho mình sau khi tốt nghiệp.

Sinh viên còn được tham gia đa dạng vào các hoạt động đi thực tế (Field Trip), thực tập nghề nghiệp tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, cơ quan hành chính sự nghiệp, ... để tìm hiểu những nội dung thực tế liên quan đến môn học trên lớp.

Ứng dụng công nghệ thông tin cũng là một phần không thể thiếu trong CTĐT. Đây là môn học được cập nhật liên tục trong chương trình, là công cụ hỗ trợ việc dạy và học, thúc đẩy sinh viên phát triển năng lực tự học, giúp quá trình dạy và học nâng cao hiệu suất do tiết kiệm được thời gian. Với chương trình đào tạo này, cả giảng viên và sinh viên đều tích cực sử dụng các công cụ, phần mềm trực tuyến hỗ trợ cho quá trình dạy và học (Elearning, Moodle, Google Drive, Zoom và Microsoft Team ...) và thời lượng học online cho các môn là khoảng 30% quá trình học để người học chủ động sử dụng các công cụ học trực tuyến thành thạo.

1.10. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan, thường xuyên. Yêu cầu và tiêu chí đánh giá cụ thể của từng học phần được công bố cho người học trước khi học.

Kết quả đánh giá được cung cấp và chia sẻ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người học, phụ huynh và nhà quản lý để có thể thực hiện sự điều chỉnh về các hoạt động dạy và học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu đề ra.

Tùy thuộc vào chuẩn đầu ra và phương pháp dạy-học của từng học phần, các phương pháp đánh giá phù hợp được lựa chọn nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của sinh viên cũng như hiệu quả đạt được của tiến trình dạy và học. Các phương pháp đánh giá được áp dụng bao gồm: đánh giá sự tham gia trên lớp (in-class participation), bài tập (work assignment), thuyết trình (oral presentation), đánh giá hoạt động (performance test), kiểm tra viết (written exam), kiểm tra trắc nghiệm (multiple-choice exam), bảo vệ và thi vấn đáp (oral exam), viết báo cáo (written report), đánh giá làm việc nhóm (peer assessment), báo cáo thực hành nghề nghiệp, thực tập/khóa luận tốt nghiệp (graduation report/thesis).

a) Đánh giá sự tham gia trên lớp (In-class participation): Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên cũng như những đóng góp của sinh viên trong học phần cũng phản ánh thái độ học tập của họ. Việc đánh giá chuyên cần không còn thực hiện một cách độc lập mà được kết hợp với đánh giá việc phát biểu xây dựng bài giảng trong giờ học.

b) Đánh giá bài tập (Work Assignment): Sinh viên được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.

c) Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation): Trong một số môn học, sinh viên được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, hay nghiên cứu một tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển kỹ năng truyền thông, thương lượng, làm việc nhóm.

d) Đánh giá hoạt động (Performance test): Sinh viên được yêu cầu thực hiện một số hoạt động, kỹ thuật cụ thể theo các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của môn học.

e) Kiểm tra viết (Written Exam): Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, làm bài tập hay đưa ra ý kiến cá nhân về những vấn đề chủ yếu liên quan đến các chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần.

f) Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple Choice Exam): Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.

g) Thi vấn đáp (Oral Exam): Trong phương pháp đánh giá này, sinh viên được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp. Thời gian đánh giá được thực hiện định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ).

h) Viết Báo cáo (Written Report): Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ/ hình ảnh trong báo cáo.

i) Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment): Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên.

j) Báo cáo thực hành nghề nghiệp, thực tập/Khóa luận tốt nghiệp (Graduation Report/Thesis): Báo cáo thực hành nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp hay khóa luận tốt nghiệp của sinh viên được đánh giá bởi giáo viên hướng dẫn và giáo viên phản biện bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá.

1.11. Hệ thống tính điểm

Hệ thống tính điểm được áp dụng dựa trên quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể:

– Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần, điểm thi cuối kỳ và điểm học phần. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng.

– Thang điểm chữ dùng để phân loại kết quả học dựa trên điểm học phần.

– Thang điểm 4 được dùng khi tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

Thang điểm và cách đánh giá kết quả học tập thể hiện trên bảng 1.11.

Bảng 1.11. Thang điểm & điểm đánh giá kết quả học tập

Thang điểm hệ 10	Điểm chữ	Thang điểm hệ 4
9,0 – 10,0	A+	4,0
8,5 – 8,9	A	4,0
8,0 – 8,4	B+	3,5
7,0 – 7,9	B	3,0
6,0 – 6,9	C+	2,5

5,5 – 5,9	C	2,0
5,0 – 5,4	D+	1,5
4,0 – 4,9	D	1,0
Dưới 4	F	0,0
Đánh giá kết quả học tập		
	Xuất sắc	3,6 – 4,0
	Giỏi	3,2 – cận 3,6
	Khá	2,5 – cận 3,2
	Trung bình	2,0 – cận 2,5
	Yếu	1,0 – cận 2,0
	Kém	Dưới 1,0

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

2.1. Cấu trúc chương trình:

Chương trình giảng dạy được chia thành 2 khối kiến thức, gồm: Khối kiến thức giáo dục đại cương và Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, với tổng số tín chỉ là 140, chưa bao gồm phần kiến thức về giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng; trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn (Bảng 2.1.)

Khối kiến thức giáo dục đại cương cung cấp cho sinh viên các kiến thức về kinh tế, xã hội, lý luận chính trị, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng, toán học và tin học.

Ngoài ra, các học phần ngoại ngữ, bao gồm Tiếng Anh cơ bản và Tiếng Anh chuyên ngành sẽ giúp sinh viên có đủ năng lực để học tốt các học phần chuyên ngành, nâng cao khả năng đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh và khả năng học tập suốt đời sau khi tốt nghiệp.

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ và kiến thức tốt nghiệp. Trong đó, khối kiến thức ngành trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán và thuế, để có thể thực hiện tốt công việc chuyên môn ngay sau khi tốt nghiệp; Khối kiến thức bổ trợ giúp sinh viên có thêm kỹ năng mềm, kiến thức liên ngành, nâng cao khả năng học tập các chuyên ngành khác trong tương lai và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp.

Bảng 2.1. Cấu trúc chương trình đào tạo ngành Kế Toán

STT	Khối kiến thức		Số tín chỉ			Ghi chú
			Bắt buộc	Tự chọn	Tổng cộng	
1	Giáo dục đại cương	Lý luận chính trị	11		11	
		Ngoại ngữ	20		20	
		Kinh tế - xã hội	07		07	
		Toán- Tin học	12		12	
2	Giáo dục chuyên nghiệp	Cơ sở ngành	17		17	
		Chuyên ngành	46		46	
		Kiến thức bổ trợ	9	12	21	
		Thực tập & khóa luận tốt nghiệp		06	06	

2.2. Danh sách các học phần

2.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương: (50 tín chỉ)

2.2.1.1. Lý luận chính trị: (11 tín chỉ)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Lý thuyết (tiết)	Thảo luận, thực hành	Tổng số tiết
1	1010443	Triết học Mác - Lênin (<i>Philosophy of Marxism-Leninism</i>)	3	3		30
2	1010452	Kinh tế chính trị Mác - Lênin (<i>Political economics of Marxism-Leninism</i>)	2	2		45
3	1010092	Tư tưởng Hồ Chí Minh (<i>Ideology of Ho Chi Minh</i>)	2	2		30
4	1010472	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (<i>History of the Vietnam Communist Party</i>)	2	2		45
5	1010462	Chủ nghĩa xã hội khoa học (<i>Scientific socialism</i>)	2	2		30
Tổng cộng:			11	11		165

2.2.1.2. Ngoại ngữ: (20 tín chỉ)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	HP Tiên quyết	Học phần trước
1	1010484	Tiếng Anh Cơ Bản 1 (<i>Basic English 1</i>)	4		
2	1010494	Tiếng Anh Cơ Bản 2 (<i>Basic English 2</i>)	4		Tiếng Anh Cơ Bản 1 (<i>Basic English 1</i>)
4	2010263	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán- Kiểm toán 1 (<i>English for Accounting & Auditing 1</i>)	3		Tiếng Anh Cơ Bản 2 (<i>Basic English 2</i>)

5	2010273	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán- Kiểm toán 2 (<i>English for Accounting & Auditing 2</i>)	3		Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán- Kiểm toán 1
6	2010283	Tiếng Anh chuyên ngành TCNH 1 (<i>English for Finance & Banking 1</i>)	3		Tiếng Anh Cơ Bản 2
7	2010293	Tiếng Anh chuyên ngành TCNH 2 (<i>English for Finance & Banking 2</i>)	3		Tiếng Anh chuyên ngành TCNH 1
Tổng cộng:			20		

2.2.1.3. Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng: (08 tín chỉ)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Ghi chú
1	1010042	Giáo dục thể chất 1	2	60	Không tính vào điểm tích lũy
2		Sinh viên chọn 1 trong các học phần:		90	
	1010602	Giáo dục thể chất 2 (Thể hình-Thể Mỹ NC)	3	90 tiết	
	1010612	Giáo dục thể chất 2 (Aerobic)	3	90 tiết	
	1010622	Giáo dục thể chất 2 (Vovinam)	3	90 tiết	
	1010632	Giáo dục thể chất 2 (Yoga)	3	90 tiết	
	1010642	Giáo dục thể chất 2 (Kiểu vũ thể thao)	3	90 tiết	
	1010652	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)	3	90 tiết	
3	1010034	Giáo dục quốc phòng-An ninh	3	165	
Tổng cộng:			08		

2.2.1.4. Kinh tế - xã hội : (07 tín chỉ)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước	Dạy bằng NN
1	1010052	Đại cương pháp luật Việt Nam (<i>Fundamentals of Laws in Vietnam</i>)	2	30	BB			Việt
2	2020052	Luật kinh tế (<i>Economic Laws</i>)	2	30	BB			Việt
3	2010013	Quản trị học (<i>Managerial Science</i>)	3	45	BB			Việt
Tổng cộng:			7	105				

2.2.1.5. Toán – Tin học: (12 tín chỉ)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước	Dạy bằng NN
1	1010083	Tin học Đại cương (<i>General Informatics</i>)	3	45	BB			Việt

2	2022313	Thống kê ứng dụng (<i>Applied statistics</i>)	3	45	BB			Việt
3	2022303	Kinh tế lượng ứng dụng (<i>Applied Econometrics</i>)	3	45	BB			Việt
4	2022293	Toán ứng dụng (<i>Applied Mathematics</i>)	3	45	BB			Việt
		Tổng cộng:	12	180				

2.2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: (90 tín chỉ)

2.2.2.1 Kiến thức cơ sở ngành: (17 tín chỉ)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước	Dạy bằng NN
1	2020013	Kinh tế vi mô (<i>Microeconomics</i>)	3	45	BB			Việt
2	2020023	Kinh tế vĩ mô (<i>Macroeconomics</i>)	3	45	BB			Việt
3	2010302	Kỹ năng học đại học (KT) (<i>Study Skills</i>)	2	30	BB			Việt
4	2020043	Nguyên lý kế toán (<i>Fundamental of Accounting</i>)	3	45	BB		Kinh tế vi mô	Việt
5	2022523	Thuế và khai báo thuế (<i>Tax and tax declaration</i>)	3	45	BB		Đại cương pháp luật VN	Việt
6	2022533	Quản lý nhà nước về kế toán (<i>State management of accounting</i>)	3	30	BB		Nguyên lý Kế toán	Việt
		Tổng cộng:	17	255				

2.2.2.2. Kiến thức chuyên ngành : (46 tín chỉ)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước	Dạy bằng NN
1	2022013	Kế toán tài chính 1 (<i>Financial Accounting 1</i>)	3	45	BB		Nguyên lý kế toán	Việt
2	2022103	Kế toán quản trị (<i>Management Accounting</i>)	3	45	BB	Nguyên lý kế toán	Kế toán tài chính 1	Anh
3	2022023	Kế toán tài chính 2 (<i>Financial Accounting 2</i>)	3	45	BB		Kế toán tài chính 1	Việt
4	2021253	Kiểm toán cơ bản (<i>Basic auditing</i>)	3	45	BB		Nguyên lý kế toán	Việt
5	2022033	Kế toán tài chính 3 (<i>Financial Accounting 3</i>)	3	45	BB		Kế toán tài chính 2	Việt
6	2022053	Kế toán chi phí (<i>Costs accounting</i>)	3	45	BB		Nguyên lý kế toán	Việt

7	2022123	Hệ thống thông tin kế toán (<i>Accounting Information System</i>)	3	45	BB		Nguyên lý kế toán	Việt
8	2021082	Thực hành nghề nghiệp (<i>Professional practice</i>)	2	30	BB			Việt
9	2022043	Kế toán tài chính 4 (<i>Financial accounting 4</i>)	3	45	BB		Kế toán tài chính 3	Việt
10	2022373	Kế toán quốc tế <i>International Accounting</i>	3	45	BB		Nguyên lý kế toán	Anh
11	2022113	Phân tích hoạt động kinh doanh (<i>Business operating Analysis</i>)	3	45	BB		Kế toán tài chính 1, 2, 3, 4	Việt
12	2022083	Kiểm soát Nội bộ (<i>Internal control</i>)	3	45	BB		Nguyên lý kế toán	Việt
13	2021113	Kế toán ngân hàng (<i>Banking Accounting</i>)	3	45	BB		Nguyên lý kế toán	Việt
14	2022453	Khởi nghiệp (<i>Entrepreneurship</i>)	3	45	BB		Quản trị học Tài chính công ty	Việt
15	2021322	Thực tập tốt nghiệp (<i>Internship</i>)	2	30	BB			Việt
16	2022133	Phần mềm kế toán (<i>Accounting Software</i>)	3	45	BB		Tin học Đại cương	Việt
		Tổng cộng:	46	690				

2.2.2.3. Kiến thức bổ trợ: (21 tín chỉ)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước	Dạy bằng NN
		CÁC MÔN BẮT BUỘC	9	135				
1	2022403	Tài chính Công ty (<i>Corporate finance</i>)	3	45	BB		Kinh tế vi mô	Anh
2	2022203	Kế toán hành chính sự nghiệp (<i>Public accounting</i>)	3	45	BB	Nguyên lý kế toán	Kế toán tài chính 1, 2, 3, 4	Việt
3	2011063	Phương pháp nghiên cứu khoa học (<i>Scientific Research Methods</i>)	3	45	BB		Triết học Mac-Lenin	Việt
		CÁC MÔN TỰ CHỌN (Chọn 4/8 môn)	12	180				
1	2011113	Kế toán excel (<i>Excel accounting</i>)	3	45	TC	Tin học Đại cương	Kế toán tài chính 4	Việt
2	2011123	Trực quan hóa dữ liệu (<i>Data Visualization</i>)	3	45	TC		Tin học đại cương	Việt
3	2021013	Tài Chính - Tiền Tệ (<i>Money and Financial markets</i>)	3	45	TC			Anh
4	2021103	Thanh toán quốc tế (<i>International payments</i>)	3	45	TC		Kinh tế vĩ mô	Anh
5	2021163	Đầu tư tài chính (<i>Financial investment</i>)	3	45	TC		Tài chính công ty	Anh

6	2022443	Đầu tư bất động sản (<i>Real Estate investment</i>)	3	45	TC		Tài chính công ty	Việt
7	2022433	Thẩm định dự án đầu tư (<i>Project Appraisal</i>)	3	45	TC		Tài chính công ty	Việt
8	2022323	Định giá tài sản (<i>Asset appraisal</i>)	3	45	TC		Luật Kinh tế	Anh

2.2.2.4. Kiến thức tốt nghiệp: (06 tín chỉ)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước	Dạy bằng NN
1	2042026	Khóa luận tốt nghiệp (<i>Graduation thesis</i>)	6	90	TC			Việt
HOẶC								
2	2022543	Chuẩn mực IFRS (<i>International Financial Reporting Standard 2</i>)	3	45	TC		Kế toán tài chính 4	Anh
3	2022553	Báo cáo tài chính hợp nhất (<i>Consolidated financial statement</i>)	3	45	TC	Nguyên lý kế toán	Kế toán tài chính 4	Việt
		Tổng cộng:	6	90				

2.2.3. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT

Ghi chú:

H: Mức đáp ứng của học phần cho CDR của CTĐT là “Cao”

M: Mức đáp ứng của học phần cho CDR của CTĐT là “Trung bình”

L: Mức đáp ứng của học phần cho CDR của CTĐT là “Thấp”

Bỏ trống hoặc “-”: Học phần không đáp ứng cho CDR của CTĐT

STT	Mã HP	Tên học phần	Đáp ứng chuẩn đầu ra									
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
<i>I. Kiến thức giáo dục đại cương</i>												
1	1010443	Triết học Mác - Lênin	H				L	L			M	L
2	1010452	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	H				L	L			M	L
3	1010092	Tư tưởng Hồ Chí Minh	H				L	L			M	L
4	1010472	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	H				L	L			M	L
5	1010462	Chủ nghĩa xã hội khoa học	H				M	L			L	M
6	1010484	Tiếng Anh Cơ Bản 1						M	H	L	H	
7	1010494	Tiếng Anh Cơ Bản 2						M	H	L	H	
8	2010263	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán- Kiểm toán 1		H				M	H	L	L	
9	2010283	Tiếng Anh chuyên ngành TCNH 1		L	H		L	M	H	L	M	L
10	2010273	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán- Kiểm toán 2	L					M	H	L	M	
11	2010293	Tiếng Anh chuyên ngành TCNH 2	L					M	H	L	M	
12	1010052	Đại cương pháp luật Việt Nam	M	M						L	M	M
13	2020052	Luật kinh tế	M	M						L	L	L
14	2010013	Quản trị học	L			M	M	M			L	M
15	1010083	Tin học Đại cương		L						H	L	
16	2022313	Thống kê ứng dụng	M			L	L	L		M	M	L
17	2022303	Kinh tế lượng ứng dụng	M				M			H	M	L
18	2022293	Toán ứng dụng	M			L	M			H	M	

			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp												
1	2020013	Kinh tế vi mô	M					L	L		M	L
2	2020023	Kinh tế vĩ mô	H				L		L		L	L
3	2010302	Kỹ năng học đại học (KT)	M	M		L	M	L		M	L	L
4	2020043	Nguyên lý kế toán		H	L	M					M	M
5	2022523	Thuế và khai báo thuế	H	H			M				M	M
6	2022533	Quản lý nhà nước về kế toán	M	H			M			L	M	H
7	2022013	Kế toán tài chính 1	M	H		H	L					H
8	2022103	Kế toán quản trị	L	H	L	M	L		H		L	M
9	2022023	Kế toán tài chính 2	M	H		M	L				H	M
10	2021253	Kiểm toán cơ bản	H	H	L	L	L	M	L	M	M	M
11	2022033	Kế toán tài chính 3	M	H		M					M	M
12	2022053	Kế toán chi phí		H	L	M	L				L	
13	2022123	Hệ thống thông tin kế toán		H	H		M					
14	2022113	Phân tích hoạt động kinh doanh		H	H		M					
15	2022262	Thực hành nghề nghiệp	M	H	L	L	H	H	L	H	H	H
16	2022043	Kế toán tài chính 4	H	M			M				M	M
17	2022373	Kế toán quốc tế		H		M	L		H		L	M

			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
18	2022133	Phần mềm kế toán		H		M			L	L		M
19	2022083	Kiểm soát Nội bộ	M	M	M	M	L	L	M	L	M	M
20	2022453	Khởi nghiệp	H	H	M	M	H	M	M	H	H	
21	2022113	Kế toán ngân hàng	L	M		L	M			L	M	
22	2022403	Tài chính công ty	M		H		L		L	L	M	L
23	2011063	Phương pháp nghiên cứu khoa học	M		L	M	L	L			M	
24	2022203	Kế toán hành chính sự nghiệp	H	H	M		M	L	L	M	M	M
25	2011113	Kế toán Excel	L	M		L	M			H	M	
26	2011123	Trực quan hóa dữ liệu		H		M	L		H		L	M
27	2021013	Tài chính- Tiền tệ	M		H		L		L		M	L
28	2021103	Thanh toán quốc tế	H	L		L	M			L	L	
29	2022443	Đầu tư bất động sản	L	H	H		H	H			M	H
30	2021163	Đầu tư tài chính	M		H		L		L		M	L
31	2022433	Thẩm định dự án đầu tư	L		L				M		L	M
32	2022323	Định giá tài sản	M		H		L		L		M	L
33	2021322	Thực tập tốt nghiệp	M	H	L	L	H	H	H	H	H	
34	2042026	Khóa luận tốt nghiệp	M	H	L	L	H	H	H	H	H	H
35	2022543	Chuẩn mực IFRS	M	H	L				M		L	M

			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
36	2022553	Báo cáo tài chính hợp nhất	M	H	L	M	L	L	L	M	L	M

2.2.4. Sơ đồ chương trình giảng dạy (cây chương trình):

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ – TIN HỌC TPHCM
KHOA KINH TẾ - TÀI CHÍNH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
NGÀNH KẾ TOÁN HỆ CHÍNH QUY - KHÓA 2021

Học kỳ 1 (18 TC)	Học kỳ 2 (20 TC)	Học kỳ 3 (17 TC)	Học kỳ 4 (16 TC)	Học kỳ 5 (11 TC)	Học kỳ 6 (18 TC)	Học kỳ 7 (18 TC)	Học kỳ 8 (11 TC)	Học kỳ 9 (11 TC)
Tiếng Anh cơ bản 1 (4 + 0)	Tiếng Anh cơ bản 2 (4 + 0)	TACN KT – KT1 (3 + 0)	TACN KT – KT2 (3 + 0)	TACN TCNH 1 (3 + 0)	TACN TCNH 2 (3 + 0)	Kế toán quốc tế (3 + 0)	Thực hành nghề nghiệp (0 + 2)	Thực tập tốt nghiệp (0 + 2)
Kinh tế vi mô (3 + 0)	Kinh tế vĩ mô (3 + 0)	Phương pháp NCKH (3 + 0)	Thuế và khai báo thuế (3 + 0)	Lịch sử Đảng CSVN (2 + 0)	Kiểm soát nội bộ (3 + 0)	Kiểm toán căn bản (3 + 0)	Kế toán ngân hàng (3 + 0)	Khởi nghiệp (3 + 0)
Quản trị học (3 + 0)	Nguyên lý kế toán (3 + 0)	Kế toán tài chính 1 (3 + 0)	Kế toán tài chính 2 (3 + 0)		Kế toán tài chính 3 (3 + 0)	Kế toán tài chính 4 (3 + 0)		
Triết học Mác - Lênin (3 + 0)	KTCT Mác-Lênin (2 + 0)	Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 + 0)	Chủ nghĩa XHKH (2 + 0)	Tự chọn = 6 TC (CHỌN 2 TRONG 4)	Kế toán chi phí (3 + 0)	HTTT kế toán (3 + 0)	Tự chọn = 6 TC (CHỌN 2 TRONG 4)	Tự chọn = 6 TC
Kỹ năng học ĐH (2 + 0)	Đại cương PLVN (2 + 0)	Tài chính công ty (3 + 0)	Phân tích HĐKD (3 + 0)	Kế toán Excel (3 + 0)	Kế toán quản trị (3 + 0)	Phần mềm kế toán (3 + 0)	Thẩm định dự án đầu tư (3 + 0)	Khóa luận tốt nghiệp (0 + 6)
Toán ứng dụng (3 + 0)	Thống kê ứng dụng (3 + 0)	Kinh tế lượng UD (3 + 0)	Luật kinh tế (2 + 0)	Thực quan hóa dữ liệu (3 + 0)	Quản lý Nhà nước về KT (3 + 0)	Kế toán HCSN (3 + 0)	Định giá tài sản (3 + 0)	Chuẩn mực IFRS (3 + 0)
	Tin học đại cương (3 + 0)			Tài chính tiền tệ (3 + 0)			Đầu tư BDS (3 + 0)	BCTC hợp nhất (2 + 0)
	Giáo dục quốc phòng (7 + 0)	Giáo dục thể chất 1 (2 + 0)	Giáo dục thể chất 2 (2 + 0)	Thanh toán quốc tế (3 + 0)			Đầu tư tài chính (3 + 0)	

2.2.5. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

Năm	Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	BT	TH	Tổng cộng	
1	1	1010484	Tiếng Anh Cơ Bản 1	4	4			18	
		2020013	Kinh tế vi mô	3	3				
		2010013	Quản trị học	3	3				
		1010443	Triết học Mác - Lênin	3	3				
		2010302	Kỹ năng học Đại học (KT)	2	2				
		2022293	Toán ứng dụng	3	3				
	2	2	1010494	Tiếng Anh Cơ Bản 2	4	4			20
			1010052	Đại cương pháp luật Việt Nam	2	2			
			2020023	Kinh tế vĩ mô	3	3			
			2020043	Nguyên lý kế toán	3	3			
			1010452	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2			
			2022313	Thống kê ứng dụng	3	3			
			1010083	Tin học đại cương	3	3			
2	3	1010092	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			17	
		2022303	Kinh tế lượng ứng dụng	3	2	1			
		2010263	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán-Kiểm toán 1	3	3				
		2022013	Kế toán tài chính 1	3	2	1			
		2011063	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3				
		2022403	Tài chính công ty	3	3				
	4	4	2010273	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán-Kiểm toán 2	3	3			16
			2022523	Thuế và khai báo thuế	3	2	1		
			2022023	Kế toán tài chính 2	3	2	1		
			2020052	Luật kinh tế	2	2			
			2022113	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	3			
			1010462	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2			
	5	5	2010283	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng 1	3	2			11
			1010472	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2			
				CHỌN 2/4 MÔN (*)					

		2011113	Kế toán excel	3 +3			
		2011123	Trực quan hóa dữ liệu				
		2021013	Tài chính - Tiền tệ		3		
		2021103	Thanh toán quốc tế				
3	6	2010293	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính- Ngân hàng 2	3	3		18
		2022053	Kế toán chi phí	3	3		
		2022033	Kế toán tài chính 3	3	2	1	
		2022103	Kế toán quản trị	3	2	1	
		2022083	Kiểm soát nội bộ	3	3		
		2022533	Quản lý Nhà nước về kế toán	3	3		
	7	2022373	Kế toán quốc tế *	3	2	1	18
		2022043	Kế toán tài chính 4	3	2	1	
		2021253	Kiểm toán cơ bản	3	2	1	
		2022123	Hệ thống thông tin kế toán	3	2	1	
		2022133	Phần mềm kế toán	3	2	1	
		2022203	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	2	1	
	8	2021082	Thực hành nghề nghiệp	2	2		11
		2021113	Kế toán ngân hàng	3	2	1	
			CHỌN 2/4 MÔN (*)				
		2022433	Thẩm định dự án đầu tư	3 + 3	3		
		2022323	Định giá tài sản		3		
		2022443	Đầu tư bất động sản		3		
2021163	Đầu tư tài chính	3					
3,5	9	2021322	Thực tập tốt nghiệp	2	2		11
		2022453	Khởi nghiệp	3	3		
		2042026	Khóa luận tốt nghiệp	6	6		
		2022543	Chuẩn mực IFRS		3		
		2022553	Báo cáo tài chính hợp nhất		3		

(*) Các môn tự chọn có thể mở trong nhiều học kỳ tùy nhu cầu thực tế

2.2.6. Bảng phân công giảng dạy dự kiến

STT	Mã HP	Tên học phần	Tên giảng viên	Ghi chú
1	1010443	Triết học Mác - Lênin	Khoa LLCT	
2	1010484	Tiếng Anh Cơ Bản 1	BM Tiếng Anh không chuyên	
3	2020013	Kinh tế vi mô	Phan Minh Đạt Hoàng Đức Sinh	

4	1010122	Đại cương pháp luật Việt Nam	BM Luật	
5	2010012	Quản trị học	Nguyễn Thị Anh Đình Ngọc Long	
6	1010083	Tin học Đại cương	Khoa CNTT	
7	1010452	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Khoa LLCT	
8	1010494	Tiếng Anh Cơ Bản 2	BM Tiếng Anh không chuyên	
9	2020023	Kinh tế vĩ mô	Phan Minh Đạt Hoàng Đức Sinh Nguyễn Thị Anh	
10	2010302	Kỹ năng học Đại học (KT)	Nguyễn Thanh Sơn Võ Đình Phụng Và các GV khoa khác	
11	2020043	Nguyên lý kế toán	Nguyễn Thanh Sơn Vũ Thị Diệp Chi Nguyễn Thị Tuyết Như	
12	2020052	Luật kinh tế	BM Luật	
13	1010462	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Khoa LLCT	
14	2022293	Toán ứng dụng	Đình Ngọc Long Nguyễn Thị Anh	
15	2010263	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán- Kiểm toán 1	Lê Bá Khôi Phan Minh Đạt Trần Thị San Đào	
16	2020043	Kế toán tài chính 1	Nguyễn Thanh Sơn Vũ Thị Diệp Chi Nguyễn Thị Tuyết Như	
17	2022093	Thuế và khai báo thuế	Nguyễn Thanh Sơn Lý Phát Cường	
18	1010472	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Khoa LLCT	
29	1010092	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Khoa LLCT	
20	2022103	Kế toán quản trị	Lê Bá Khôi Lý Phát Cường	
21	2020043	Kế toán tài chính 2	Nguyễn Thanh Sơn Vũ Thị Diệp Chi Nguyễn Thị Tuyết Như	
22	2010283	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính- Ngân hàng 1	Trần San Đào Lê Bá Khôi Ngô Ngọc Thuyên Đình Ngọc Long	
23	2022313	Thống kê ứng dụng	Nguyễn Thị Anh Hoàng Đức Sinh	
24	2010273	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán- Kiểm toán 2	Trần San Đào Lê Bá Khôi Ngô Ngọc Thuyên Đình Ngọc Long	
25	2022073	Kiểm toán căn bản	Võ Đình Phụng Lý Phát Cường	
26	2022043	Kế toán tài chính 3	Nguyễn Thanh Sơn Lý Phát Cường	
27	2022053	Kế toán chi phí	Lý Phát Cường Nguyễn Thanh Sơn	
28	2022303	Kinh tế lượng ứng dụng	Đình Ngọc Long Nguyễn Thị Anh	

29	2021222	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Hoàng Đức Sinh Nguyễn Thị Anh	
30	2022533	Quản lý nhà nước về kế toán	Lý Phát Cường Vũ Thị Diệp Chi	
31	202113	Kế toán ngân hàng	Trương Hoàng Hùng Trần Minh Lam	
32	2010293	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính- Ngân hàng 2	Lê Bá Khôi Ngô Ngọc Thuyên Đình Ngọc Long Trần San Đào	
33	2022123	Hệ thống thông tin kế toán	Lý Phát Cường Võ Đình Phụng	
34	2022262	Thực hành nghề nghiệp	GV BM KT	
35	2022043	Kế toán tài chính 4	Nguyễn Thanh Sơn Lý Phát Cường	
36	2022373	Kế toán quốc tế	Lê Bá Khôi Phan Minh Đạt	
37	2022113	Phân tích hoạt động kinh doanh	Lý Phát Cường Nguyễn Thanh Sơn Võ Đình Phụng	
38	2022403	Tài chính công ty	Nguyễn Thị Ngọc Vân Thái Thị Thu Nguyệt Ngô Ngọc Thuyên Hoàng Đức Sinh	
39	2011113	Kế toán excel	Võ Đình Phụng Vũ Thị Diệp Chi	
40	2011123	Trực quan hóa dữ liệu	Lê Bá Khôi Phan Minh Đạt	
41	2021243	Tài Chính Tiền Tệ	Nguyễn Thị Ngọc Vân Ngô Ngọc Thuyên	
42	2022243	Thanh Toán Quốc Tế	Nguyễn Thị Ngọc Vân Trần San Đào	
43	2022433	Thẩm định dự án đầu tư	Hoàng Đức Sinh Phan Minh Đạt	
44	2022323	Định giá tài sản	Ngô Ngọc Thuyên Nguyễn Thị Ngọc Vân	
45	2021163	Đầu tư tài chính	Phan Minh Đạt Nguyễn Thị Ngọc Vân	
46	2022443	Đầu tư bất động sản	Nguyễn Thị Tuyết Như Lý Phát Cường	
47	2022083	Kiểm soát nội bộ	Võ Đình Phụng Lý Phát Cường	
48	2022203	Kế toán hành chính sự nghiệp	Võ Đình Phụng Phan Minh Đạt	
49	2022553	Báo cáo tài chính hợp nhất	Võ Đình Phụng Nguyễn Thanh Sơn	
50	2022133	Phần mềm kế toán	Vũ Thị Diệp Chi Võ Đình Phụng	
51	2041012	Thực tập tốt nghiệp	GV BM KT	
52	2022453	Khởi nghiệp	Đình Ngọc Long Phan Minh Đạt	
53	2041026	Khóa luận tốt nghiệp	GV BM KT	
54	2022543	Chuẩn mực IFRS	Lê Bá Khôi Nguyễn Thanh Sơn	

2.2.7. Mô tả các học phần:

2.2.7.1. Lý luận chính trị: (11 tín chỉ)

1. Triết học Mác – Lênin (1010443)

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về chủ nghĩa duy vật biện chứng trong việc xem xét giới tự nhiên cũng như xem xét đời sống xã hội và tư duy con người, giúp sinh viên hình thành thế giới quan khoa học, định hướng cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn, và phát triển phương pháp luận khoa học. Học tốt Triết học Mác – Lênin, sinh viên sẽ biết phân tích cụ thể sự vật, hiện tượng kinh tế - xã hội theo tinh thần biện chứng, đồng thời ngăn ngừa thái độ chủ quan tùy tiện trong việc vận dụng lý luận vào hoạt động thực tiễn.

2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin (1010452)

Với tư cách là “nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động” của Đảng và Nhà nước, kinh tế chính trị Mác - Lênin cung cấp các luận cứ khoa học làm cơ sở cho việc hình thành chủ trương, đường lối phát triển kinh tế của Đảng, các chính sách, pháp luật kinh tế của Nhà nước.

Do đó, việc trang bị tri thức khoa học kinh tế chính trị Mác - Lênin sẽ giúp sinh viên có vốn kiến thức khoa học chính trị cần thiết, hiểu được bản chất của các hiện tượng và quá trình kinh tế, giải thích được các quy luật kinh tế; qua đó hình thành niềm tin, tư duy logic, thái độ tích cực trong, góp phần thực thi trách nhiệm đối với bản thân và xã hội.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh (1010092)

Từ sau Đại hội IX của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh đã được nghiên cứu vừa tổng thể, vừa phân tích dưới các góc độ khác nhau về những vấn đề khác nhau. Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh là cần thiết trong giai đoạn hiện nay, khi đất nước đã và đang bước vào thời kỳ mới - đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức; hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới.

Học phần này giúp sinh viên hiểu rõ quan điểm của Hồ Chí Minh, có được cái nhìn khái quát, toàn diện, sâu sắc khi nghiên cứu tư tưởng của Người với tính cách là “nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động” của Đảng và Nhà nước; Với học phần này, sinh viên sẽ được trang bị các luận cứ khoa học về việc hình thành chủ trương, đường lối phát triển kinh tế của Đảng, các chính sách, pháp luật kinh tế của Nhà nước. giúp sinh viên hình thành niềm tin, thái độ tích cực trong hoạt động thực tiễn, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (1010472)

Học phần này bao gồm những nội dung cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp cho sinh viên hiểu biết một cách có hệ thống và tương đối toàn diện về sự ra đời, về sứ mệnh lịch sử, tổ chức và lãnh đạo cách mạng của Đảng (bằng Cương lĩnh, chiến lược các định hướng lớn về chính sách chủ trương công tác tuyên truyền, vận động, kiểm tra, tổ chức quần chúng đấu tranh, bằng hành động tiên phong gương mẫu của cán bộ đảng viên...); Góp phần bồi dưỡng sinh viên về phương pháp, đạo đức cách mạng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, sống và chiến đấu vì nhân dân, vì Tổ quốc.

5. Chủ nghĩa xã hội khoa học (1010462)

Học phần này cung cấp cho sinh viên những hệ thống tri thức và căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dựng đất nước, đường lối, chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở

Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; góp phần giáo dục, nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng, đạo đức nghề nghiệp của người học.

2.2.7.2.Ngoại ngữ: (20 tín chỉ)

1. Tiếng Anh Cơ Bản 1 (1010484)

Trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ Anh (Nghe-Nói-Đọc-Viết) cho sinh viên trong ngữ cảnh giao tiếp xã hội, khoa học, văn hóa, giáo dục, đạt trình độ và năng lực giao tiếp tiếng Anh trình độ sơ cấp (tương đương chuẩn cấp độ 1/6 khung năng lực ngoại ngữ quốc gia theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

2. Tiếng Anh Cơ Bản 2 (1010494)

Trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ Anh (Nghe-Nói-Đọc-Viết) cho sinh viên trong ngữ cảnh giao tiếp xã hội, khoa học, văn hóa, giáo dục đạt trình độ và năng lực giao tiếp tiếng Anh trình độ tiền trung cấp (tương đương chuẩn cấp độ 2/6 khung năng lực ngoại ngữ quốc gia theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

3. Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán -Kiểm toán 1(2010263)

Học phần được thực hiện với mục tiêu trang bị cho SV về 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết đối với các thuật ngữ và các tình huống trong lĩnh vực Kế toán – Kiểm toán. Từ đó sinh viên có khả năng vận dụng để tự tìm tòi, nghiên cứu giáo trình, tài liệu tiếng Anh trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán cũng như các tình huống thực tiễn khác.

4. Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán Kiểm toán 2(2010273)

Học phần được thực hiện với mục tiêu củng cố thêm cho SV về 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết, chú trọng nâng cao khả năng tương tác và vận dụng tiếng Anh trong các tình huống thực tế trong lĩnh vực Kế toán Kiểm toán. Học phần còn giúp củng cố năng lực ngoại ngữ và hỗ trợ sinh viên đạt được chuẩn tiếng Anh đầu ra. Sinh viên có cơ hội ôn tập kiến thức và kỹ năng ngoại ngữ tổng hợp từ các học phần trước, trở nên tự tin hơn trong giao tiếp.

5. Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính -NH 1(2010283)

Học phần được thực hiện với mục tiêu củng cố thêm cho SV về 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết, chú trọng nâng cao khả năng tương tác và vận dụng tiếng Anh trong các tình huống nghiệp vụ TCNH. Sinh viên có cơ hội ôn tập kiến thức và kỹ năng ngoại ngữ tổng hợp từ các học phần trước, trở nên tự tin hơn trong giao tiếp.

6. Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính -NH 2(2010293)

Học phần được thực hiện với mục tiêu củng cố thêm cho SV về 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết, đặc biệt chú trọng rèn luyện khả năng tương tác và vận dụng tiếng Anh trong các tình huống thực tế trong lĩnh vực Tài chính -Ngân hàng. Học phần giúp củng cố năng lực ngoại ngữ và hỗ trợ sinh viên đạt được chuẩn tiếng Anh đầu ra. Sinh viên có cơ hội vận dụng kiến thức và

kỹ năng ngoại ngữ tổng hợp từ các học phần trước, tự tin hơn trong giao tiếp thực tế trong công việc sau này.

2.2.7.3. Kinh tế- Xã hội: (07 tín chỉ)

1. Đại cương pháp luật Việt Nam (1010052)

Đại cương pháp luật Việt Nam là học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, làm nền tảng để sinh viên có thể nghiên cứu các quy định pháp lý và luật chuyên ngành như Luật các tổ chức tín dụng, luật đầu tư, luật chứng khoán... Học phần cũng giúp sinh viên nâng cao ý thức chấp hành pháp luật.

2. Luật kinh tế (2311022)

Học phần này giúp sinh viên hiểu rõ các loại hình doanh nghiệp tại Việt Nam; nắm cơ bản các kiến thức về quản lý nhà nước trong đăng ký, thành lập doanh nghiệp; quy chế pháp lý về chủ thể kinh doanh, thương mại; và nắm được những nội dung cơ bản trong việc soạn thảo hợp đồng kinh doanh, thương mại.

3. Quản trị học (2010012)

Học phần giúp SV tiếp cận được những kiến thức cơ bản về quản trị trong các tổ chức, trang bị cho SV một cách nhìn có hệ thống về quản trị, tạo tiền đề cho việc vận dụng kiến thức quản trị học để giải quyết vấn đề của tổ chức. HP sẽ giúp SV rèn luyện kỹ năng xây dựng, thực hiện và kiểm soát kế hoạch; kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng ra quyết định trong kinh doanh.

2.2.7.4. Toán – Tin học: (12 tín chỉ)

1. Tin học Đại cương (1010083)

Tin học đại cương là học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng sử dụng Windows để tạo, mở, sao chép tài liệu, có thể định dạng các quy ước quốc tế về số, thời gian và ngày giờ. Sinh viên biết sử dụng các công cụ Word để soạn thảo các dạng tài liệu, trang trí văn bản theo yêu cầu công việc. Sinh viên biết sử dụng công cụ Excel để tạo các bảng tính toán từ đơn giản đến phức tạp. Ngoài ra sinh viên biết sử dụng phần mềm Certiport và có kiến thức để đạt chứng chỉ MOS.

2. Thống kê ứng dụng (2022313)

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về quá trình nghiên cứu thống kê, kỹ thuật trình bày các bảng biểu thống kê, phương pháp thống kê sử dụng trong việc thu thập và phân tích dữ liệu, làm cơ sở để có thể ra các quyết định trong kinh doanh. Hoàn tất học phần này, sinh viên sẽ có kỹ năng xử lý, trình bày dữ liệu, đọc kết quả thống kê trên các phần mềm thống kê phổ biến như Excel, SPSS.

3. Kinh tế lượng ứng dụng (2022303)

Học phần này được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức về hồi quy trong dự báo và cách thức sử dụng các hàm, các phương pháp kiểm định, phân tích phương sai, cách

khắc phục các sai phạm thông qua việc chọn mẫu, xử lý các biến đầu vào. Vận dụng những kiến thức có được từ môn học giúp xử lý được các mô hình phân tích hồi quy để giải các bài toán kinh tế, tài chính Về mặt kỹ năng, môn học giúp trang bị cho học sinh cách sử dụng các phần mềm sử dụng dữ liệu phổ biến như Excel, STATA, Eview,.. Kết thúc môn học, học viên được kỳ vọng sẽ nắm vững nội dung các mô hình kinh tế lượng được trình bày, có thể chọn lựa mô hình kinh tế lượng phù hợp với chủ đề nghiên cứu và sử dụng thành thạo phần mềm kinh tế lượng cho các mô hình này.

4. Toán ứng dụng (2022293)

Học phần này cung cấp những kiến thức toán học cần thiết để sinh viên có thể hiểu được những nội dung ứng dụng của toán trong chương trình cử nhân ngành Tài chính Ngân hàng, Kế toán. Qua môn học này, sinh viên có thể hiểu được và biết cách ứng dụng các kiến thức toán trong việc phân tích và giải quyết các vấn đề thực tế trong lĩnh vực tài chính, kinh doanh và kinh tế.

2.2.7.5. Cơ sở ngành: (17 tín chỉ)

1. Kinh tế vi mô (2020013)

Học phần này được thiết kế nhằm cung cấp kiến thức kinh tế cơ bản và trang bị cho sinh viên về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh,... Thông qua việc nghiên cứu hành vi của các chủ thể của một nền kinh tế: người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ đối với việc ra quyết định phân bổ hiệu quả các nguồn lực khan hiếm, học phần sẽ giúp sinh viên hiểu động cơ, cách thức ra quyết định của các chủ thể này và ảnh hưởng của các quyết định đến các chủ thể khác cũng như tổng thể nền kinh tế. Bên cạnh đó, học phần cũng chỉ ra những thất bại của thị trường vốn là cơ sở cho những biện pháp điều chỉnh của chính phủ hướng đến tính hiệu quả tối ưu trong điều kiện cân bằng tổng thể có cạnh tranh. Học phần này sẽ trang bị công cụ phân tích để sinh viên nắm bắt và áp dụng cho các môn học sau này; Giúp sinh viên có thêm cơ hội nghề nghiệp trong tương lai.

2. Kinh tế vĩ mô (2020023)

Học phần này được thiết kế nhằm cung cấp kiến thức kinh tế cơ bản, giúp cho sinh viên tiếp cận lý thuyết kinh tế vĩ mô, nắm vững các khái niệm căn bản về kinh tế vĩ mô và hiểu được những vấn đề về kinh tế vĩ mô mà thế giới đang quan tâm. Đồng thời, học phần còn trang bị cho sinh viên một số mô hình cân bằng như là công cụ dùng để phân tích và lý giải các sự kiện kinh tế vĩ mô, góp phần cải thiện mức độ hiểu biết của sinh viên đối với sự vận hành của nền kinh tế và thực thi các chính sách kinh tế vĩ mô ở các nước, làm cơ sở cho việc phân tích các vấn đề có liên quan trong các môn học ứng dụng sau này; Giúp sinh viên có thêm cơ hội nghề nghiệp trong tương lai.

3. Kỹ năng học đại học ngành Kế toán (2010302)

Học phần này giúp sinh viên tìm hiểu được ý nghĩa, vai trò của ngành Kế toán trong nền kinh tế, những vị trí nghề nghiệp dành cho cử nhân ngành Kế toán, những nội dung kiến thức, kỹ năng mà sinh viên sẽ được học trong toàn bộ chương trình đào tạo. Học phần cũng trang bị

cho sinh viên một số kỹ năng mềm để giúp sinh viên làm quen với môi trường và phương pháp học ở bậc đại học, qua đó, sinh viên có thể phát huy tối đa năng lực cá nhân, chủ động và sáng tạo trong quá trình học tập, chuẩn bị cho việc phát triển nghề nghiệp trong tương lai. Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên có khả năng:

- Diễn giải được ý nghĩa, vai trò của ngành Kế toán;
- Liệt kê được ít nhất 5 loại tổ chức mà cử nhân ngành Kế toán có thể làm việc;
- Liệt kê được ít nhất 5 vị trí công việc mà cử nhân ngành Kế toán có thể ứng tuyển;
- Trình bày những phẩm chất nghề nghiệp mà cử nhân ngành Kế toán cần có.

4. Nguyên lý kế toán (2020043)

Học phần này được thiết kế nhằm cung cấp kiến thức để người học có thể hiểu và nhận thức những nguyên lý cơ bản về kế toán, làm nền tảng ứng dụng và nghiên cứu các môn nghiệp vụ tiếp theo thuộc khối ngành Kinh tế như kế toán, kiểm toán, quản trị kinh doanh, tài chính, ngân hàng,

5. Thuế và khai báo thuế (2022093)

Trang bị cho sinh viên tổng quát những quy định hiện hành của các sắc thuế, các quy định về luật quản lý thuế, đồng thời cập nhật, nắm bắt kịp thời những phần thay đổi của các bộ luật thuế sao cho phù hợp với các nước trong khu vực và trên thế giới, từ đó đáp ứng yêu cầu thực thi pháp luật thuế trong xã hội.

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thuế như: Bản chất, vai trò của thuế; phạm vi ảnh hưởng của thuế trong môi trường cạnh tranh và môi trường độc quyền; hệ thống thuế tại Việt Nam, phạm vi áp dụng và sự vận hành của chúng trong nền kinh tế. Sinh viên cũng được thực hành cách tính toán, kê khai các loại thuế cơ bản thông qua hệ thống bài tập dựa trên tình huống thực tế của các doanh nghiệp.

6. Quản lý nhà nước về kế toán (2022533)

Học phần này được thiết kế nhằm cung cấp kiến thức quy định pháp luật về công tác kế toán, vận dụng linh hoạt những qui định của pháp luật trong khi áp dụng làm công việc thực tế liên quan đến hoạt động kế toán; Nắm được những qui định của quản lý nhà nước về kế toán và xử lý vi phạm pháp luật về kế toán.

2.2.7.6. Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành : (46 tín chỉ)

1. Kế toán tài chính 1 (2020043)

Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức từ cơ bản đến chuyên sâu về kế toán doanh nghiệp, cụ thể là kế toán vốn bằng tiền, kế toán nguyên liệu công cụ dụng cụ, kế toán TSCĐ, kế toán tiền lương và tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp; Qua học phần này, sinh viên dễ dàng tiếp cận với kiến thức kế toán trong các doanh nghiệp thuộc nhiều lĩnh vực khác trong chương trình học tập tiếp theo.

2. Kế toán quản trị (2022103)

Kế toán quản trị là một bộ phận của hệ thống thông tin quản trị. Thông tin của kế toán quản trị là những thông tin kinh tế, tài chính, mang tính định lượng, được cung cấp theo yêu cầu quản trị và trong nội bộ tổ chức, giúp các nhà quản trị dựa vào đó để hoạch định, kiểm soát hoạt động và ra quyết định kinh tế một cách nhanh chóng.

Với học phần này, sinh viên sẽ được nâng cao kỹ năng ra quyết định với việc áp dụng kế toán quản trị như: Chọn lọc và phân tích các dữ liệu cần thiết để ra quyết định phương án kinh doanh; đánh giá hiệu quả đầu tư ngắn hạn, dài hạn; Vận dụng các phương pháp tính giá thành sản phẩm; lập và trình bày dự toán ngân sách.

3. Kế toán tài chính 2 (2022023)

Trang bị cho sinh viên kiến thức từ cơ bản đến chuyên sâu về kế toán doanh nghiệp, cụ thể là kế toán nợ phải trả, kế toán nguồn vốn chủ sở hữu, kế toán quá trình tiêu thụ sản phẩm, kế toán quá trình kinh doanh hàng hóa, xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp; Qua học phần này, sinh viên dễ dàng tiếp cận với kiến thức kế toán trong các doanh nghiệp thuộc nhiều lĩnh vực khác trong chương trình học tập tiếp theo.

4. Kiểm toán căn bản (2022073)

Kiểm toán là một lĩnh vực nghề nghiệp liên quan mật thiết với kế toán, trong đó, người thực hiện hoạt động kiểm toán sẽ sử dụng những phương pháp khác nhau để xác minh tính trung thực của tài liệu và tính pháp lý của các báo cáo tài chính, như: phương pháp đối chiếu, logic, diễn giải thông tin, điều tra, quan sát, kiểm kê, thử nghiệm... Hoạt động kiểm toán cũng có thể được thực hiện nhằm chỉ ra những sai sót và gợi mở những biện pháp để khắc phục, giúp tổ chức cải thiện hoạt động quản lý.

Học phần Kiểm toán căn bản cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về kiểm toán; giúp sinh viên củng cố kiến thức tài chính, nâng cao khả năng tư duy logic, có thêm cơ hội nghề nghiệp trong tương lai.

5. Kế toán tài chính 3 (2022043)

Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan kế toán doanh nghiệp, để sinh viên dễ dàng tiếp cận với kiến thức kế toán doanh nghiệp thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau.

- Hiểu được kế toán bất động sản đầu tư, đầu tư tài chính trong doanh nghiệp; kế toán đầu tư xây dựng cơ bản; kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp; kế toán trong doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp.
- Biết vận dụng chương trình học vào thực tế tại doanh nghiệp.

6. Kế toán chi phí (2022053)

Học phần này được thiết kế nhằm trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết trong việc tổ chức hệ thống kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp theo các mô hình khác nhau, phục vụ cho việc hoạch định, kiểm soát và ra quyết định của nhà quản lý.

7. Hệ thống thông tin kế toán (2022123)

Học phần này được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức quy trình kinh doanh; Giúp sinh viên hiểu được những nguyên tắc, nhiệm vụ của từng bộ phận và vai trò của hệ thống kiểm soát nội bộ. Vận dụng những kiến thức đã học để thiết kế, tổ chức, vận hành hệ thống thông tin kế toán trong đơn vị kinh doanh.

8. Thực hành nghề nghiệp (2022262)

Đây là học phần giúp cho sinh viên tiếp cận môi trường làm việc thực tế tại các đơn vị. Từ đó, sinh viên có điều kiện so sánh, đánh giá giữa lý thuyết và thực tiễn với trọng tâm là kiến thức liên quan đến tổ chức, quản lý hoặc nghiệp vụ của các doanh nghiệp, cơ quan hành chính sự nghiệp và các cơ sở kinh doanh. Đây cũng là học phần giúp sinh viên có cơ hội học hỏi kinh nghiệm từ những người đi trước, làm quen với ngành nghề chuyên môn. Trong quá trình thực hành nghề nghiệp, sinh viên được bố trí giáo viên hướng dẫn để giải đáp vướng mắc, định hướng nghiên cứu cho phù hợp.

9. Kế toán tài chính 4 (2022043)

Trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về chứng từ, kết cấu tài khoản, sổ kế toán và báo cáo tài chính, qua đó sinh viên lập được chứng từ kế toán, ghi sổ, định khoản kế toán và lập báo cáo tài chính ở các loại hình doanh nghiệp.

10. Kế toán quốc tế (2022373)

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về Kế toán Mỹ (US GAAP) cũng như kế toán quốc tế (IFRS); Giúp sinh viên hiểu được những nguyên tắc chung của Kế toán Mỹ và kế toán quốc tế; Giúp sinh viên có thêm cơ hội nghề nghiệp trong tương lai. (1) Giải thích được chức năng của nghề kế toán tại Mỹ và trên thế giới; (2) Diễn giải được những khái niệm liên quan đến định khoản kế toán (nợ, có, tài sản, vốn chủ sở hữu) theo US GAAP và IFRS; (3) Giải thích được những nguyên tắc cơ bản của kế toán Mỹ và kế toán quốc tế.

11. Phân tích hoạt động kinh doanh (2022113)

Học phần này được thiết kế nhằm trang bị kiến thức tổng quan về phân tích hoạt động kinh doanh để đưa ra cái nhìn toàn diện về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, biết được những nguyên nhân làm hạn chế năng lực sản xuất của doanh nghiệp để đưa ra giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.

Đây là học phần giúp sinh viên vận dụng tổng hợp kiến thức từ nhiều học phần khác nhau, nâng cao kỹ năng tư duy quản lý, tư duy sáng tạo và giải quyết vấn đề trong quản trị.

12. Kiểm soát nội bộ (2022083)

Kiểm soát nội bộ là nội dung ngày càng được quan tâm ở mọi tổ chức, đặc biệt là các doanh nghiệp. Thực hiện tốt hoạt động kiểm soát nội bộ sẽ giúp doanh nghiệp ngăn chặn gian lận, giảm thiểu sai sót, khuyến khích hiệu quả hoạt động, và đạt được sự tuân thủ các chính sách và chu trình được thiết lập như : chu trình mua hàng, tồn trữ và trả tiền; Chu trình bán hàng, thu tiền; chu trình tính và trả lương...

Đây là học phần giúp sinh viên vận dụng tổng hợp kiến thức từ nhiều học phần khác nhau, nâng cao kỹ năng tư duy quản lý, tư duy sáng tạo và giải quyết vấn đề trong quản trị.

13. Kế toán ngân hàng (2021113)

Học phần này cung cấp cho sinh viên những nguyên lý chung nhằm trang bị kiến thức cơ bản về công tác tổ chức, thực hiện nghiệp vụ kế toán trong ngân hàng, chủ yếu là tại các ngân hàng thương mại và hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong hoạt động của ngân hàng.

Đây là học phần giúp sinh viên vận dụng được kiến thức kế toán ngân hàng để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại ngân hàng liên quan đến nguồn vốn, tín dụng, thanh toán vốn giữa các ngân hàng, thanh toán không dùng tiền mặt, xác định và phân phối kết quả kinh doanh, lập báo cáo tài chính ngân hàng;

14. Khởi nghiệp (2022453)

Học phần Khởi nghiệp được xây dựng và bắt đầu triển khai từ khóa 2019 để đáp ứng chủ trương và chiến lược đào tạo cử nhân đại học có khả năng tự tạo việc làm, thực thi trách nhiệm với bản thân và xã hội. Học phần cung cấp những kiến thức nhằm giúp sinh viên biết cách chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập và điều hành thành công một hoạt động kinh doanh. Học phần cũng trang bị những kỹ năng để sinh viên có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng kinh doanh, thực thi kế hoạch và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh, trong đó có môi trường pháp luật.

15. Thực tập tốt nghiệp (2041012)

Học phần thực tập tốt nghiệp được xây dựng để giúp sinh viên có những trải nghiệm về công việc chuyên môn trong môi trường thực tế của một tổ chức. Thông qua quá trình thực tập tại các doanh nghiệp, cơ quan hành chính sự nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh, dưới sự hướng dẫn của giảng viên và của người quản lý tại đơn vị thực tập, sinh viên sẽ tích lũy được kinh nghiệm chuyên môn, hội nhập môi trường thực tế, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cũng như tác phong làm việc chuyên nghiệp.

16. Phần mềm kế toán (2022133)

Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về hệ thống phần mềm kế toán, quy trình xử lý chung của phần mềm kế toán; giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường tiếp cận nhanh nhất và có thể sử dụng ngay được bất kỳ phần mềm kế toán nào sẵn có tại doanh nghiệp. Trang bị cho sinh viên các quy trình kinh doanh chính trong đơn vị kinh doanh; khai báo ban đầu trong phần mềm ứng dụng trong kế toán, vận dụng cho các phần hành kế toán như kế toán thu – chi, kế toán phải thu – phải trả, kế toán hàng tồn kho, ... Vận dụng những kiến thức đã học khai báo các báo cáo có liên quan đến báo cáo kế toán.

2.2.7.7. Học phần thuộc kiến thức bổ trợ: (21 tín chỉ)

1. Tài chính công ty (2022403)

Tài chính công ty là học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp. Các bài tập thực hành sẽ giúp sinh viên nâng cao các kỹ năng như: phân

tích tình hình tài chính; xây dựng mục tiêu của nhà quản trị tài chính; định giá những thu nhập trong tương lai, đánh giá rủi ro của doanh nghiệp; ra quyết định đầu tư thông qua phân tích tài chính.

2. Kế toán hành chính sự nghiệp (2022203)

Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về quản lý và sử dụng nguồn lực tại các đơn vị hành chính sự nghiệp; giúp sinh viên hiểu được những nguyên tắc chung, yêu cầu, phương pháp thu thập để cung cấp thông tin hữu ích cho đối tượng sử dụng thông tin; Giúp sinh viên có thêm cơ hội nghề nghiệp trong tương lai.

3. Kế toán excel (2011113)

Học phần này được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản trong việc ứng dụng excel vào kế toán; Giúp sinh viên hiểu và phân biệt được mối liên kết giữa chứng từ, sổ sách, báo cáo qua những hàm excel; Diễn giải được các mối liên hệ các bảng tính (Sheet) thông qua các hàm excel và kiến thức kế toán từ chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo.

4. Trục quan hóa dữ liệu (...)

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về trục quan hóa dữ liệu; Giúp sinh viên hiểu được những nguyên tắc chung của trục quan hóa dữ liệu trên phần mềm Power BI; Giúp sinh viên có thêm cơ hội nghề nghiệp trong tương lai. Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên có khả năng:

- Giải thích được chức năng của các công cụ cơ bản trong phần mềm Power BI;
- Diễn giải được những khái niệm liên quan đến trục quan hóa dữ liệu báo cáo.

5. Tài chính - Tiền tệ (2021243)

Học phần này nhằm giúp học viên có được những kiến thức cơ bản về tiền tệ, ngân hàng trung ương, thị trường tài chính và một số khái niệm khác liên quan để có thể vận dụng vào những nghiên cứu trong các lĩnh vực của nền kinh tế cũng như tham gia vào các môn học khác trong hệ thống môn học về tài chính - tiền tệ - ngân hàng. Từ kiến thức có được của môn học này và một số môn học bổ trợ khác của ngành, học viên có thể làm việc trong các cơ quan về tài chính, ngân hàng cũng như tiếp tục nghiên cứu sâu về lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Trình bày được các đặc điểm, của các sản phẩm giao dịch trên thị trường tài chính
- Trình bày được chức năng của thị trường tài chính;
- Diễn giải được mối quan hệ phân phối nguồn lực tài chính trong nền kinh tế thông qua

sự vận hành của hệ thống tài chính.

6. Thanh Toán Quốc Tế (2022243)

Môn học cung cấp kiến thức cơ bản trong giao dịch thương mại quốc tế bao gồm cơ chế hoạt động thanh toán quốc tế và những hình thức thanh toán cùng tài trợ phổ biến đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên có đủ kiến thức để nhận thức được những rủi ro, sai phạm có thể xảy ra trong quá trình thanh toán quốc tế và đưa ra phương án phù hợp. Hoàn tất học phần này, sinh viên có các khả năng sau:

- Giải thích được vai trò của các chủ thể trong một giao dịch thương mại quốc tế;
- Diễn giải được ưu và nhược điểm trong các phương thức thanh toán và tài trợ quốc tế;
- Áp dụng được các công ước quốc tế có liên quan vào hoạt động thanh toán quốc tế.

7. Đầu tư tài chính (2021163)

Học phần này được thiết kế nhằm cung cấp kiến thức cơ bản về đầu tư tài chính, giúp sinh viên tiếp cận các hình thức đầu tư tài chính. Học tốt học phần này, sinh viên sẽ có khả năng tự tổng hợp thông tin phân tích vĩ mô và ngành cụ thể, xác định và đánh giá tài sản đưa vào danh mục đầu tư, tính toán tỷ trọng từng loại tài sản, đánh giá rủi ro và xác định tỷ suất sinh lời kỳ vọng.

Đây là học phần mang tính ứng dụng nghề nghiệp cao, giúp sinh viên có thêm cơ hội nghề nghiệp trong tương lai, phát triển năng lực tổng hợp, hệ thống hóa, nghiên cứu vấn đề và ra quyết định trên cơ sở tư duy khoa học và logic.

8. Đầu tư bất động sản (2022443)

Bên cạnh hoạt động đầu tư tài chính, doanh nghiệp có thể đầu tư vào bất động sản để thực hiện các mục tiêu kinh doanh, mục tiêu chiến lược trong một số thời kỳ. Vì vậy, có được những kiến thức cơ bản về bất động sản và thị trường bất động sản là điều cần thiết đối với nhà quản trị tài chính. Với học phần này, sinh viên sẽ được tìm hiểu về thị trường bất động sản, hoạt động kinh doanh bất động sản ở Việt Nam, các quy định pháp lý và công cụ quản lý nhà nước đối với thị trường bất động sản; Học phần này cũng giúp sinh viên nâng cao kỹ năng thẩm định giá bất động sản, kỹ năng đàm phán, kỹ năng môi giới bất động sản, từ đó, sinh viên sẽ có thêm cơ hội nghề nghiệp nếu cảm thấy bản thân phù hợp để hành nghề kinh doanh dịch vụ bất động sản.

9. Thẩm định dự án đầu tư (2022433)

Thẩm định dự án là học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về thẩm định dự án đầu tư. Học tốt học phần này, sinh viên sẽ có thêm nhiều cơ hội nghề nghiệp chủ yếu là các dự án bao gồm: vị trí và vai trò của công tác thẩm định dự án đầu tư; quy trình thẩm định dự án đầu tư, các phương diện và quan điểm phân tích dự án như phân tích tài chính dự án, phân tích kinh tế xã hội dự án. Đồng thời, học phần này cũng trang bị phương pháp thẩm định dự án và tiêu chí thẩm định để người học có đầy đủ các công cụ và phương pháp để thẩm định không chỉ các dự án sản xuất kinh doanh mà còn dự án đầu tư công.

Từ đó, sinh viên có thể xây dựng định hướng học tập, nghiên cứu cho phù hợp mục tiêu nghề nghiệp và tiếp tục theo đuổi nghề thẩm định giá, hoạt động nghề nghiệp một cách độc lập sau khi đáp ứng các điều kiện pháp lý.

10. Định giá tài sản (2022323)

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về thẩm định giá; Giúp sinh viên hiểu được những nguyên tắc chung của thẩm định giá trên thế giới và tại Việt Nam; Giúp sinh viên có thêm cơ hội nghề nghiệp trong tương lai. Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên có khả năng:

- Giải thích được chức năng của hoạt động thẩm định giá và nghề thẩm định giá tại Việt Nam và trên thế giới;
- Diễn giải được những khái niệm liên quan đến hoạt động thẩm định giá (tài sản, quyền tài sản, định giá, thẩm định giá, giá trị thị trường, giá trị phi thị trường...);
- Giải thích được những nguyên tắc thẩm định giá cơ bản.
- Nắm được các chính sách về giá và thẩm định giá

11. Phương pháp nghiên cứu khoa học (2021222)

Với mục đích trang bị cho sinh viên kỹ năng nghiên cứu khoa học và vận dụng trong nghiên cứu kinh doanh, học phần này sẽ giúp sinh viên hiểu được bản chất của quá trình nghiên cứu, biết cách thiết lập quy trình nghiên cứu, vận dụng các phương pháp thu thập, xử lý và phân tích thông tin.

Học tốt học phần này, sinh viên có thể: xác định vấn đề nghiên cứu, xây dựng phương pháp nghiên cứu để giải quyết vấn đề, trình bày một báo cáo nghiên cứu khoa học; ứng dụng kiến thức trong quá trình viết khóa luận tốt nghiệp cũng như thực hiện tốt các hoạt động nghiên cứu trong chuyên môn nghề nghiệp sau này như: nghiên cứu thị trường, nghiên cứu hành vi khách hàng, nghiên cứu tác động của chính sách tài chính đối với doanh nghiệp...

2.2.7.8. Học phần thuộc kiến thức tốt nghiệp: (06 tín chỉ)

1. Khóa luận tốt nghiệp (2041026)

Đây là học phần dành cho các sinh viên đáp ứng đủ điều kiện để làm khóa luận như sau:

- Tính đến thời điểm khoa xét để giao khóa luận tốt nghiệp, sinh viên không còn học phần bị điểm F hoặc F+, và có điểm trung bình chung tích lũy thỏa mãn điều kiện do Khoa quy định nhưng không thấp hơn 2,50.
- Sinh viên có nguyện vọng viết khóa luận tốt nghiệp.
- Sinh viên đã hoàn thành thực tập tốt nghiệp và báo cáo thực tập tốt nghiệp đạt chất lượng tốt (Có điểm từ 7/10 trở lên).

Trên cơ sở quá trình thực tập tại đơn vị đã hoàn tất, và báo cáo thực tập tốt nghiệp đạt chất lượng tốt, khóa luận tốt nghiệp nhằm giúp sinh viên nâng cao khả năng vận dụng các kiến thức đã học để nghiên cứu, hoàn thành đề tài khoa học, và trình bày kết quả nghiên cứu. Khóa luận tốt nghiệp giúp cho sinh viên nâng cao khả năng tổ chức thực hiện được công tác kế toán, kiểm toán và thuế trong các đơn vị. Qua đó, biết vận dụng các nguyên tắc kế toán, đánh giá giữa lý thuyết và thực tiễn, có thể nhận xét, đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác kế toán, kiểm toán và thuế tại các doanh nghiệp.

2. Chuẩn mực IFRS (2022543)

Học phần này được thiết kế nhằm trang bị kiến thức chuyên sâu cho sinh viên kiến thức cơ bản về lập báo cáo tài chính quốc tế; Giúp sinh viên hiểu được những nguyên tắc chung để lập và trình bày báo cáo tài chính theo chuẩn mực quốc tế (IAS 1, IAS 7); Giúp sinh viên: có thêm cơ hội nghề nghiệp trong tương lai; Giải thích các nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính theo chuẩn mực quốc tế; Diễn giải được những khái niệm chuẩn mực liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính quốc tế (IAS 1, IAS 7)

3. Báo cáo tài chính hợp nhất (...)

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lập báo cáo tài chính hợp nhất trong tập đoàn về tình trạng tài chính, kết quả hoạt động và luồng tiền làm cơ sở cho việc ra các quyết định đối với các nhà quản lý bên trong doanh nghiệp lẫn các chủ thể bên ngoài doanh nghiệp.

Học tốt học phần này, sinh viên có thể: (1) Trình bày kiến thức cơ bản về đọc hiểu báo cáo tài chính hợp nhất; (2) Mô tả tổng quan về phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất.

-----oO-----